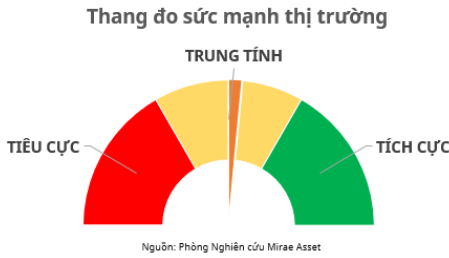


15 Tháng Hai 2022



Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,492.75	1.41	-0.22	33.89
HNX	423.84	0.67	-9.21	88.46
UPCOM	111.22	0.33	-0.89	50.68
MSCI EM	1,220.42	-1.62	-2.95	-15.11
NIKKEI	26,865.19	-0.79	-4.48	-10.70
HANG SENG	24,355.71	-0.82	-0.11	-19.28
KOSPI	2,676.54	-1.03	-8.40	-14.95
FTSE	7,571.06	0.52	0.37	12.06
S&P 500	4,401.67	-0.38	-5.60	11.86
NASDAQ	13,790.92	0.00	-7.40	-2.16

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	17.00	2.61	15.58
SET INDEX	15.27	1.80	7.90
JCI INDEX	23.69	2.24	8.28
PCOMP INDEX	23.53	1.86	7.96

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	0
5 năm	0.95	3	3	-8
10 năm	2.16	3	7	-7

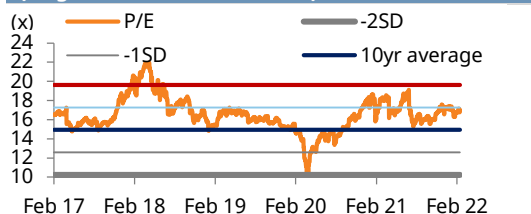
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	22,748	-0.08	-0.15	1.09
US\$/KRW	1,200	-0.52	-0.61	-8.20
US\$/JPY	116	-0.01	-0.80	-8.80
US\$/EUR	0.88	-0.26	0.62	6.99
US\$/GBP	0.74	-0.22	0.64	2.54
US\$/SGD	1.35	0.07	0.17	-1.71

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	1,045	914	921
HNX	93	89	130
UPCOM	71	58	70

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



Nhận định thị trường

Tâm lý tích cực quay trở lại

Sau phiên rơi mạnh ngày hôm qua, tâm lý nhà đầu tư trong phiên hôm nay đã trở nên bình ổn hơn khiến VN-Index nhanh chóng lấy lại trạng thái cân bằng và giao dịch xoay quanh mốc tham chiếu khi mở cửa. Tuy nhiên, có vẻ phiên giảm mạnh hôm qua khiến lực cầu bắt đáy vào mạnh và tăng dần, lên mức cao nhất trong ngày vào buổi chiều, giúp VN-Index có phiên phục hồi và tăng điểm tốt. Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-index đóng cửa tại 1.493 điểm, phục hồi 21 điểm, tương ứng 1,4% so với phiên giao dịch ngày hôm trước. Thanh khoản 3 sàn với giá trị lần lượt là HOSE: 19.171 tỷ đồng, HNX: 1.657 tỷ đồng, UPCOM: 1.091 tỷ đồng.

Phiên tăng điểm tốt với sự phục hồi hàng loạt của nhiều nhóm ngành. Toàn sàn HOSE có 266 mã tăng giá so với 164 mã giảm giá. Ngân hàng, sau phiên rơi mạnh hôm qua, là tâm điểm của ngày hôm nay khi đồng loạt chuyển sang sắc xanh, kéo VN-Index phục hồi. Bên cạnh đó phải kể đến sự tham gia của nhóm Bất động sản, Bán lẻ, Chứng khoán... đóng góp đáng kể vào một ngày phục hồi tốt của VN-Index.

Khối ngoại bất ngờ mua ròng gần 1.000 tỷ đồng, tập trung vào một số blue-chip như STB, MSN, VHM, GAS với giá trị lần lượt là 140, 125, 112 và 100 tỷ đồng.

Phiên phục hồi tốt của VN-Index, tuy nhiên do thanh khoản thấp nên các điểm số kỹ thuật chưa được cải thiện. Hiện điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset được giữ nguyên ở mức +2, thể hiện trạng thái TRUNG TÍNH trong ngắn hạn. Kết thúc phiên giao dịch hôm nay, hệ số P/E của VN-Index là 17,0x.

Trần Duy Lam, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	2	TRUNG TÍNH
VN30	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	0	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-3	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	0	TRUNG TÍNH
Kospi	0	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	1	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	-2	TRUNG TÍNH
Dow Jones	0	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	2	TRUNG TÍNH
VN30	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	0	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-3	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (15/02/2022)	Kháng cự 1	1.520
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Kháng cự 2	1.580
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.480
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.430

Chạm 1.480 điểm và phục hồi, VN-Index tịnh tiến về 1.510-1.520 điểm.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fdata

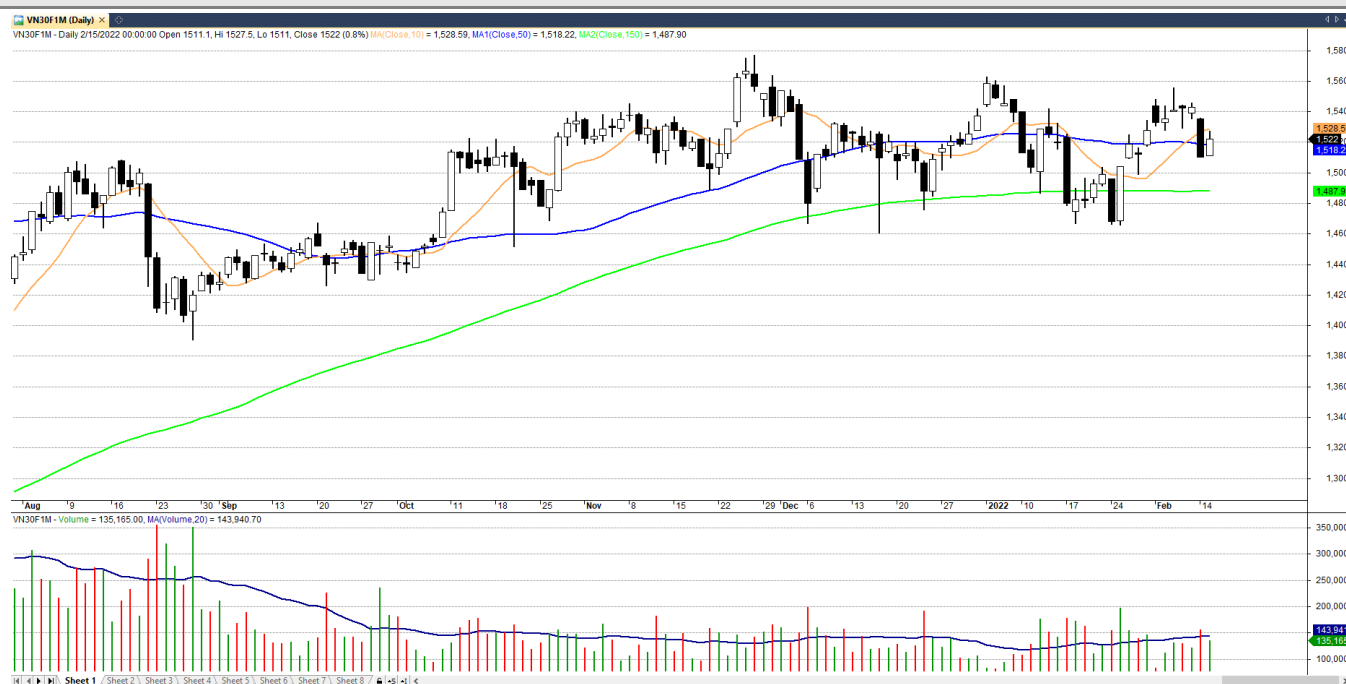
CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (15/02/2022)	1.522	Kháng cự 1	1.580
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2	1.630
VN30 - đóng cửa	1.527	Hỗ trợ 1	1.520
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-5.3	Hỗ trợ 2	1.480

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	+4	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart 60 phút)	+2	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	0	TRUNG TÍNH

VN30F1M phục hồi và giao dịch trong ngày chỉ nằm trong vùng giá xanh. Điểm kỹ thuật đã chuyển một phần sang khả quan.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
GAS	Dầu khí	117,400	1,097,775	84	7	
VJC	Hàng không	139,200	807,475	71	6	
HAH	Kho bãi, hậu cần	72,300	728,790	88	4	Top sức mạnh ngành
TCL	Kho bãi, hậu cần	41,900	120,720	85	7	Top sức mạnh ngành
PHR	Nhựa, cao su & sợi	84,400	687,650	96	6	
BWE	Nước	47,900	332,350	88	5	Top sức mạnh ngành
SAB	Sản xuất bia	170,000	176,310	99	7	Top sức mạnh ngành
FMC	Thủy sản	54,600	104,005	86	7	Top sức mạnh ngành
VHC	Thủy sản	73,000	845,440	97	6	Top sức mạnh ngành

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
DXG	37.3	9,122,275	7	KHẢ QUAN	22,232	19.2	2.5	340
MSN	160.5	870,885	7	KHẢ QUAN	189,476	22.1	5.8	140
GAS	117.4	1,097,775	7	KHẢ QUAN	224,698	26.8	4.4	129
KDH	53.5	1,565,270	7	KHẢ QUAN	34,397	29.2	3.4	84
DGW	115.9	673,020	7	KHẢ QUAN	10,246	15.5	5.7	78
VGT	25.9	2,866,415	7	KHẢ QUAN	12,950	45.4	2.1	74
KBC	57.7	8,843,770	6	KHẢ QUAN	32,875	36.2	2.4	510
PDR	90	3,525,835	6	KHẢ QUAN	44,349	23.9	6.3	317
PVS	29.3	8,872,775	6	KHẢ QUAN	14,004	23.3	1.2	260
NLG	53.9	4,806,245	6	KHẢ QUAN	20,640	16.9	2.3	259
ITA	16.3	12,872,475	6	KHẢ QUAN	15,295	52.4	1.4	210
NKG	39.5	4,619,070	6	KHẢ QUAN	8,666	3.7	1.5	182
IDC	67.7	2,227,415	6	KHẢ QUAN	20,310	37.3	5.0	151
VJC	139.2	807,475	6	KHẢ QUAN	75,392	61.3	4.5	112
VIX	28.25	3,967,710	6	KHẢ QUAN	7,757	8.5	2.6	112
DCM	29.8	3,484,035	6	KHẢ QUAN	15,776	9.0	2.1	104
AAA	17.4	5,204,070	6	KHẢ QUAN	5,680	17.3	1.2	91
IJC	29.15	2,692,040	6	KHẢ QUAN	6,328	10.8	1.9	78
DBC	74	1,041,040	6	KHẢ QUAN	8,528	10.3	1.8	77
VHC	73	845,440	6	KHẢ QUAN	13,282	12.1	2.3	62
GVR	33.35	1,823,850	6	KHẢ QUAN	133,400	31.4	2.8	61
PHR	84.4	687,650	6	KHẢ QUAN	11,436	21.1	3.8	58
BCG	23	2,511,280	6	KHẢ QUAN	10,265	9.4	2.9	58
PVT	22.8	2,114,470	6	KHẢ QUAN	7,379	11.0	1.4	48
APS	32	1,435,210	6	KHẢ QUAN	2,656	3.1	2.7	46
SCR	19.6	8,905,130	5	KHẢ QUAN	7,181	38.4	1.5	175
DPM	46.6	3,334,240	5	KHẢ QUAN	18,236	5.9	1.7	155

KSB	42.8	2,226,385	5	KHẢ QUAN	3,265	14.5	1.8	95
BCM	82	657,425	5	KHẢ QUAN	84,870	71.9	5.4	54
HPG	46	19,483,940	4	KHẢ QUAN	205,754	6.0	2.3	896
VND	70.3	5,636,735	4	KHẢ QUAN	30,576	11.2	3.1	396
POW	18.1	20,367,030	4	KHẢ QUAN	42,388	23.8	1.4	369
HSG	35.95	6,346,570	4	KHẢ QUAN	17,741	4.2	1.6	228
SHS	41.1	4,948,380	4	KHẢ QUAN	13,368	8.9	2.2	203
VCI	58	2,882,680	4	KHẢ QUAN	19,314	12.9	3.0	167
LCG	19.25	6,497,410	4	KHẢ QUAN	3,319	15.3	1.4	125
KDC	54.7	2,002,425	4	KHẢ QUAN	13,764	23.4	2.1	110
HVN	26.25	4,073,685	4	KHẢ QUAN	58,128	#N/A N/A	24.3	107
FRT	98.2	1,038,775	4	KHẢ QUAN	7,756	17.5	4.7	102
SZC	78.8	1,287,400	4	KHẢ QUAN	7,880	26.1	5.4	101
FPT	91.1	1,094,635	4	KHẢ QUAN	82,678	20.9	4.6	100
SBT	22.45	3,881,200	4	KHẢ QUAN	14,124	20.5	1.7	87
DGC	141.4	565,490	4	KHẢ QUAN	24,191	10.8	4.0	80
PNJ	105.5	716,005	4	KHẢ QUAN	23,987	23.2	4.0	76
GMD	48.9	1,532,495	4	KHẢ QUAN	14,737	26.5	2.3	75
PAN	30.35	2,446,130	4	KHẢ QUAN	6,340	21.5	1.5	74
FIT	13.25	4,903,395	4	KHẢ QUAN	3,481	20.9	1.1	65
HAH	72.3	728,790	4	KHẢ QUAN	3,527	8.2	2.3	53
VGC	53.6	954,030	4	KHẢ QUAN	24,032	19.6	3.4	51
DIG	78.9	6,862,515	2	TRUNG TÍNH	39,441	39.1	5.3	541
SSI	44.2	10,833,820	2	TRUNG TÍNH	43,438	16.0	3.1	479
BSR	26.8	12,779,275	2	TRUNG TÍNH	83,093	#N/A N/A	2.7	342
SHB	22.55	13,032,660	2	TRUNG TÍNH	60,138	11.3	1.7	294
VCG	43.45	6,710,190	2	TRUNG TÍNH	19,192	37.6	2.9	292
FLC	11.7	20,986,364	2	TRUNG TÍNH	8,307	102.1	0.9	246
NVL	79	2,445,955	2	TRUNG TÍNH	152,503	41.3	4.4	193
LDG	16.9	10,351,350	2	TRUNG TÍNH	4,047	30.3	1.2	175
TCH	20.75	8,032,565	2	TRUNG TÍNH	13,865	19.8	1.6	167
FCN	23.5	5,425,505	2	TRUNG TÍNH	3,700	27.9	1.3	127
ROS	7.46	15,757,015	2	TRUNG TÍNH	4,234	44.6	0.7	118
PLX	59	1,990,820	2	TRUNG TÍNH	74,965	25.2	3.0	117
MWG	133.3	844,850	2	TRUNG TÍNH	95,021	19.2	4.7	113
HQC	7.09	13,997,810	2	TRUNG TÍNH	3,379	802.4	0.8	99
HDC	78.7	625,990	2	TRUNG TÍNH	6,805	21.4	4.7	49
HUT	22.9	2,076,500	2	TRUNG TÍNH	7,984	146.1	2.1	48
GEX	36.95	16,046,515	0	TRUNG TÍNH	31,463	25.9	2.6	593
TCB	51.8	11,286,155	0	TRUNG TÍNH	181,865	10.1	2.0	585
VPB	35.95	13,582,055	0	TRUNG TÍNH	159,815	13.5	2.0	488
CEO	60.9	6,631,490	0	TRUNG TÍNH	15,672	168.2	5.2	404
TPB	40.75	9,002,965	0	TRUNG TÍNH	64,457	12.3	2.5	367
LPB	24.6	13,351,380	0	TRUNG TÍNH	29,608	10.1	1.8	328
VIB	46.2	2,499,830	0	TRUNG TÍNH	71,755	11.4	3.0	115
HCM	36.85	2,705,350	0	TRUNG TÍNH	16,848	13.1	2.3	100
DPG	59.3	792,595	0	TRUNG TÍNH	3,736	10.4	2.8	47
VPI	61.5	1,425,620	-1	TRUNG TÍNH	13,530	38.0	4.2	88

VHM	80	4,987,065	-2	TRUNG TÍNH	348,349	8.8	2.7	399
ACB	34.5	8,207,960	-2	TRUNG TÍNH	93,217	9.7	2.1	283
VRE	34	8,297,170	-2	TRUNG TÍNH	77,259	58.8	2.5	282
PVX	7.3	11,163,830	-2	TRUNG TÍNH	2,920	#N/A N/A	14.0	81
TTF	12.85	5,264,705	-2	TRUNG TÍNH	5,057	455.7	9.2	68
VHG	8.6	7,605,210	-2	TRUNG TÍNH	1,290	#N/A N/A	6.8	65
OIL	18.4	3,423,985	-2	TRUNG TÍNH	19,030	#N/A N/A	2.0	63
L14	365.1	155,860	-2	TRUNG TÍNH	9,797	45.6	17.9	57
MBB	32.7	22,303,410	-4	TIÊU CỰC	123,551	9.7	2.1	729
CTG	34.95	14,922,610	-4	TIÊU CỰC	167,961	11.9	1.8	522
VIC	83.7	4,155,260	-4	TIÊU CỰC	319,226	#N/A N/A	2.8	348
PVD	30.6	9,012,810	-4	TIÊU CỰC	12,887	825.8	0.9	276
CII	27.3	9,238,250	-4	TIÊU CỰC	6,524	#N/A N/A	1.3	252
HBC	26.25	8,643,400	-4	TIÊU CỰC	6,448	64.6	1.7	227
BID	46.2	4,526,060	-4	TIÊU CỰC	233,704	22.1	2.8	209
VCB	87	2,062,410	-4	TIÊU CỰC	411,729	17.4	3.7	179
HHV	23.7	7,557,540	-4	TIÊU CỰC	6,337	#N/A N/A	1.0	179
HDB	29.5	5,963,185	-4	TIÊU CỰC	59,360	9.7	2.0	176
VNM	81.2	2,033,910	-4	TIÊU CỰC	169,704	18.0	5.1	165
HNG	9	14,311,580	-4	TIÊU CỰC	9,977	177.2	1.5	129
NBB	28.8	2,648,685	-4	TIÊU CỰC	2,885	9.0	1.5	76
TSC	17.2	3,953,800	-4	TIÊU CỰC	2,540	22.1	1.5	68
STB	33.5	32,427,200	-6	TIÊU CỰC	63,155	18.0	1.8	1,086
HAG	11.65	25,629,930	-6	TIÊU CỰC	10,804	58.7	2.4	299
CTD	92.5	737,285	-7	TIÊU CỰC	6,832	297.9	0.8	68

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Fed vẫn để ngỏ lộ trình tăng lãi suất sau hai tháng họp chính sách

Hơn hai tuần trước, Chủ tịch Jerome Powell từng đảm bảo với các thị trường tài chính và người dân Mỹ rằng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) sẽ khiêm tốn và nhanh nhẹn hơn trong quan điểm đối phó lạm phát. Tuy nhiên, ông Powell đang phải đối mặt với những nghi ngờ về việc liệu ông có thích ứng đủ nhanh cũng như giao tiếp hiệu quả trong việc ứng phó với tình trạng giá cả tăng mạnh một cách “ngoan cố” như hiện nay hay không. Sau báo cáo CPI tăng mạnh nhất kể từ năm 1982 (ở 7,5% so với cùng kỳ năm ngoái trong tháng 1), giới đầu tư bắt đầu đặt cược vào một đợt tăng lãi suất sớm và mạnh hơn những gì Fed đánh giá hiệu quả cho đến nay. Một số nhà giao dịch và chuyên gia kinh tế thậm chí còn bắt đầu đồn đoán rằng ngân hàng trung ương có thể phải hành động khẩn cấp với một đợt tăng lãi suất đầu tiên trước cuộc họp chính sách tháng 3. Mặc dù một số người theo dõi Fed và những người tham gia thị trường từng thảo luận về kịch bản này, song khả năng cao là Fed sẽ không đi bước đi như vậy, vì nó vốn dành cho các đợt điều chỉnh khẩn cấp trong những trường hợp cực đoan. “Tôi nghĩ Powell phải lấy lại sự kiểm soát trong chính sách tiền tệ cũng như xác định rõ lập trường của ông đối với việc thắt chặt”, Gregory Daco, trưởng phòng kinh tế tại EY-Parthenon, cho hay. Còn theo Ellen Zentner, trưởng phòng kinh tế tại Morgan Stanley, công việc của Fed ngày càng khó khăn hơn, không hề dễ dàng như khi họ nới lỏng chính sách. Cuối cuộc họp của Ủy ban Thị trường mở Liên bang (FOMC) hồi tháng 12/2021, chủ tịch Fed nhấn mạnh rằng ngân hàng trung ương sẽ dựa trên các số liệu sắp tới để xem xét mức tăng lãi suất. Nhưng ông đã chuyển sang giọng điệu quyết liệt hơn: trái ngược với chu kỳ thắt chặt chính sách sau cuộc khủng hoảng tài chính 2008 khi Fed tăng lãi suất dần dần, nay chủ tịch Fed khẳng định sẵn sàng tăng nhanh hơn nếu cần. Vì vậy, lãi suất rất có thể sẽ tăng 0,5 điểm phần trăm, thay vì 0,25 điểm phần trăm trong giai đoạn đầu năm nay. Tuy nhiên, trong khi một số thành viên đặc biệt mạnh tay của FOMC, như chủ tịch Fed Saint Louis James Bullard, muốn thắt chặt nhanh hơn và sớm hơn, nội bộ Fed lại không có sự nhất trí rõ ràng với việc thiết lập chính sách theo đường lối đó. Còn Mary Daly, chủ tịch Fed San Francisco, đưa ra một lưu ý thận trọng hơn trong cuộc phỏng vấn với CBS vào cuối tuần trước rằng: “Điều quan trọng nhất là phải đo lường được tốc độ và bám sát số liệu. Những số liệu gần đây nhất, gồm báo cáo CPI tháng 1 tăng 7,5% và thị trường việc làm trong cùng tháng phục hồi mạnh mẽ bất chấp biến thể mới Omicron, đang củng cố cho trường hợp thắt chặt chính sách mạnh tay hơn. Từ nay cho tới cuộc họp chính sách tháng 3 bắt đầu vào ngày 15/3, bức tranh kinh tế và kịch bản thắt chặt chính sách có thể trở nên rõ ràng hơn khi Mỹ công bố báo cáo việc làm và CPI tháng 2. Trong khi đó, trên bình diện quốc tế, các quan chức Fed cũng sẽ cân nhắc hậu quả của cuộc xung đột vũ trang có thể xảy ra giữa Nga và Ukraine.

Việt Nam nghiên cứu thành lập trung tâm năng lượng tái tạo

Văn phòng Chính phủ vừa có thông báo kết luận của Thủ tướng, Trưởng Ban Chỉ đạo Quốc gia tại cuộc họp lần thứ hai Ban Chỉ đạo Quốc gia triển khai thực hiện cam kết của Việt Nam tại Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP 26). Thông báo nêu rõ cần tiếp tục quán triệt quan điểm, thống nhất nhận thức về tầm quan trọng và tính cấp bách của việc thực hiện cam kết tại COP 26, gắn với hội nhập quốc tế sâu rộng, thúc đẩy quan hệ hợp tác với các nước đối tác chiến lược của Việt Nam để đẩy mạnh thu hút các nguồn lực, nhất là tài chính, công nghệ, trình độ quản trị, đào tạo nhân lực..., phục vụ phục hồi phát triển kinh tế, thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh và chống biến đổi khí hậu. Đây là chủ trương nhất quán của Việt Nam và phù hợp xu thế tất yếu của thế giới. Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành thành viên Ban Chỉ đạo khẩn trương thực hiện hiệu quả Chương trình công tác và các nhiệm vụ trọng tâm đã được Thủ tướng kết luận tại cuộc họp lần thứ nhất của Ban Chỉ đạo. Các bộ, ngành liên quan, theo chức năng và nhiệm vụ đã được phân công báo cáo tình hình triển khai, thực hiện các chiến lược, kế hoạch về tăng trưởng xanh, chống biến đổi khí hậu,

trong đó có nội dung về các cam kết tại COP 26 của bộ, ngành, gửi về Bộ Tài nguyên & Môi trường để tổng hợp, trình Thủ tướng. Người đứng đầu Chính phủ yêu cầu Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên & Môi trường nghiên cứu thành lập trung tâm năng lượng tái tạo, nhằm đào tạo nguồn nhân lực, chuyển giao công nghệ, chia sẻ kinh nghiệm pháp luật, quản trị quốc gia trong lĩnh vực này. Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên & Môi trường xây dựng đề xuất dự án hỗ trợ kỹ thuật và đề nghị Vương quốc Anh giúp Việt Nam nội luật hóa các cam kết quốc tế về biến đổi khí hậu, bao gồm cả cam kết tại COP 26.

HDA: Hãng sơn Đông Á chốt quyền chào bán tỷ lệ 1:1, giá 10.000 đồng/cp

Hãng sơn Đông Á (HNX: HDA) thông báo 8/3 tới đây là ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền phát hành 11,5 triệu cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu. Thời gian chuyển nhượng quyền mua từ 15/3 đến 29/3; thời gian đăng ký mua và nộp tiền từ 15/3 đến 4/4. Tỷ lệ phát hành 1:1, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu được nhận 1 quyền mua, cứ 1 quyền mua được mua 1 cổ phiếu mới. Vốn điều lệ dự kiến gấp đôi lên 230 tỷ đồng. Giá chào bán 10.000 đồng/cổ phiếu, dự kiến huy động 115 tỷ đồng. Về mục đích sử dụng vốn, doanh nghiệp dự kiến dùng 45 tỷ đồng để mua 4,5 triệu cổ phần Bewin & Coating Viet Nam nhằm nắm quyền kiểm soát và bổ sung vốn cho công ty con. Tính đến 31/12, Hãng sơn Đông Á đang sở hữu 90% vốn Bewin & Coating Viet Nam – đơn vị thành lập năm 2018, chuyên sản xuất và cung cấp các loại sơn, vật liệu chống thấm và các phụ gia xây dựng. Số tiền 70 tỷ còn lại để đầu tư tài sản cố định, máy móc thiết bị; bổ sung vốn lưu động và ngân sách cho hoạt động marketing, quảng cáo, hỗ trợ sau bán hàng. Tình hình kinh doanh năm 2021, doanh thu thuần tăng 3% lên hơn 269,5 tỷ đồng. Giá vốn tăng ít hơn nên lợi nhuận gộp tăng 4,4% lên 119 tỷ đồng, biên lợi nhuận gộp cải thiện từ 43,7% lên 44,2%. Chi phí tài chính và quản lý lại giảm lần lượt 64% và 13,7% so với cùng kỳ, qua đó lãi sau thuế đạt hơn 29 tỷ đồng, gấp 3,6 lần năm 2020.

POW: Doanh thu tháng 1 của PV Power giảm 14% so với cùng kỳ

PV Power (HoSE: POW) vừa thông báo sản lượng điện tháng 1 ở mức 1.192 triệu kWh, vượt 29% kế hoạch tháng, song giảm 28% so với cùng kỳ năm trước. Hầu hết các nhà máy điện đều vượt kế hoạch tháng, đáng chú ý sản lượng tại nhà máy Nhơn Trạch 1 tăng mạnh từ 4,5 triệu lên 177,5 triệu kWh do được giao sản lượng điện hợp đồng Qc cao (214,8 triệu kWh). Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 cũng được giao Qc tương đối cao (373,9 triệu kWh) với giá thị trường thấp nên nhà máy cân đối chào giá thị trường bám sát Qc để đảm bảo hiệu quả. Với nhà máy Vũng Áng 1, đơn vị được giao Qc 236,2 triệu kWh. Do giá thị trường cao hơn chi phí biến đổi, nhà máy vận hành vượt 11 kế hoạch. Hay Thủy điện Đakdrinh được giao Qc 44,9 triệu kWh, với lượng nước về lớn, nhà máy đang tiếp tục xả lũ và kết hợp chào giá vận hành sản lượng tối đa công suất. Ở chiều ngược lại, Nhà máy điện Cà Mau 1&2 hoàn thành 80% kế hoạch. Nguyên nhân là do sản lượng hợp đồng Qc được giao thấp (229 triệu kWh), cùng với giá thị trường thấp hơn so với chi phí biến đổi. Theo đó, doanh thu tháng 1 ở mức 2.157 tỷ đồng, vượt 41% kế hoạch tháng và giảm 14% so với cùng kỳ năm ngoái. Sang tháng 2, PV Power đề ra mục tiêu sản lượng điện 808,3 triệu kWh và doanh thu 1.305 tỷ đồng.

DRC: lên kế hoạch lợi nhuận 'đi lùi' trong năm nay

Ban lãnh đạo Cao su Đà Nẵng (HoSE: DRC) chia sẻ kết quả kinh doanh sơ bộ tháng đầu năm nay với doanh thu tăng 30% lên mức 395 tỷ. Kết quả này được hỗ trợ chủ yếu nhờ xuất khẩu trong kỳ đạt khoảng 11 triệu USD, tăng 120% so với mức 5 triệu USD của tháng 1/2021 – thời điểm hoạt động xuất khẩu sụt giảm bởi tình trạng thiếu container toàn cầu. Trong quý I, công ty đặt kế hoạch doanh thu thuần 997 tỷ, tăng 9,3% so với cùng kỳ; lợi nhuận trước thuế đạt 72 tỷ, giảm 9,5%. BVSC cho rằng hoạt động xuất khẩu của Cao su Đà Nẵng trong những tháng tới sẽ duy trì mức tăng trưởng cao nhờ các đơn đặt hàng tốt, cũng như nhu cầu sau Tết hỗ trợ doanh thu trong nước. Công ty chứng khoán quan điểm rằng biên lợi nhuận doanh nghiệp sẽ cải thiện do tác động rõ ràng hơn của việc

tăng giá bán và những sản phẩm cao cấp mới ra mắt gần đây. Năm 2022, đơn vị đặt kế hoạch doanh thu thuần tăng 5% lên 4.600 tỷ đồng. Đáng chú ý nhất, ban lãnh đạo kỳ vọng doanh thu xuất khẩu sang Mỹ sẽ tăng gấp 3 lần, trong khi chi phí vận chuyển kỳ vọng dịu lại. Ngược lại, mục tiêu lợi nhuận trước thuế giảm 12,2% xuống 320 tỷ đồng. BVSC nhận thấy điều này là thận trọng vì Covid-19 tác động nặng nề lên hoạt động trong nước và xuất khẩu, giảm hiệu suất sử dụng và phát sinh các chi phí một lần liên quan đến dịch trong nửa cuối năm 2021. Ngoài ra, Cao su Đà Nẵng hiện có vị thế tốt hơn để kiểm chế lạm phát chi phí đầu vào sau các đợt tăng giá bán năm ngoái.

NSC: báo lãi năm 2021 tăng 15%, EPS đạt 12.479 đồng

Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam (Vinaseed, HoSE: NSC), đơn vị thành viên của The PAN Group (HoSE: PAN) công bố doanh thu thuần quý IV/2021 đạt 749 tỷ đồng, tăng 12,5%. Giá vốn tăng thấp hơn nên lợi nhuận gộp đạt 248 tỷ đồng, tăng 18%. Biên lợi nhuận gộp cải thiện từ 31,6% lên 33%. Các chi phí tăng không đáng kể, tập đoàn giống cây trồng ghi nhận lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ đạt 89 tỷ đồng, tăng 31%. Vinaseed cho biết lợi nhuận quý IV/2021 tăng nhờ mở rộng thêm được thị trường gạo và xuất khẩu gạo. Đồng thời, các công ty con trong tập đoàn đều thực hiện vượt mức kế hoạch đề ra. Cả năm, doanh thu thuần đạt 1.931 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ 219 tỷ đồng, lần lượt tăng 18,2% và 15,3%. EPS đạt 12.479 đồng.

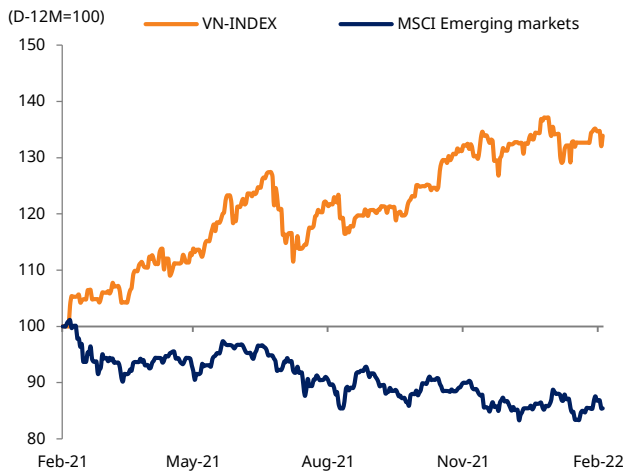
GEG: đầu tư dự án điện gió gần 4.500 tỷ đồng ở Tiền Giang

Công ty cổ phần Điện Gia Lai (HoSE: GEG) công bố quyết định HĐQT đầu tư dự án nhà máy điện gió Tân Phú Đông 1. Đây là dự án điện gió ngoài khơi, xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông và xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Dự án có quy mô công suất 100 MW, sản lượng điện dự kiến 292,63 GWh/năm do Công ty cổ phần Năng lượng Điện gió Tiền Giang, thuộc Tập đoàn Thành Thành Công (TTC Group) làm chủ đầu tư. Theo tiến độ, dự án sẽ được khởi công từ quý II và hoàn thành đưa vào vận hành vào quý cuối năm. Được biết, UBND tỉnh Tiền Giang đã trao quyết định đầu tư dự án nhà máy điện gió Tân Phú Đông 1 và 2 cho Năng lượng điện gió Tiền Giang, tổng vốn đầu tư 6.700 tỷ đồng vào đầu năm 2021. Riêng dự án Tân Phú Đông 1 có tổng vốn đầu tư 4.464,5 tỷ đồng. Điện Gia Lai cũng là đơn vị thành viên của TTC Group. Tính đến giữa năm 2021, đơn vị sở hữu trực tiếp và gián tiếp 13 nhà máy thủy điện vừa và nhỏ tổng công suất 84 MW, 5 nhà máy điện mặt trời mặt đất và hệ thống áp mái với tổng công suất 293 MWp đã hòa lưới quốc gia.

FRT: lên kế hoạch kinh doanh kỷ lục năm 2022

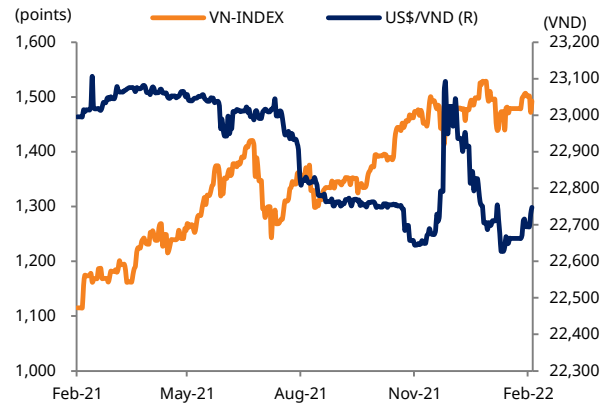
HĐQT FPT Retail (HoSE: FRT) vừa thông qua kế hoạch kinh doanh năm nay với doanh thu 27.000 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 720 tỷ đồng, lần lượt tăng 20% và 30% so với năm thực hiện năm ngoái. Đây là con số doanh thu và lợi nhuận cao nhất trong lịch sử hoạt động của công ty. Năm 2021, đơn vị sở hữu chuỗi bán lẻ các sản phẩm kỹ thuật số FPT Shop, F.Studio (chuyên kinh doanh sản phẩm chính hãng Apple) và chuỗi nhà thuốc Long Châu này có kết quả kinh doanh khởi sắc. Cụ thể, doanh thu tăng 53% đạt 22.495 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế ở mức kỷ lục với hơn 554 tỷ đồng, gấp 19,5 lần so với mức nền thấp năm 2020. Xét riêng quý IV/2021, doanh thu thuần tăng 116% đạt hơn 8.477 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ ở mức 335,3 tỷ đồng, gấp nhiều lần con số 5,7 tỷ tại cùng kỳ năm trước. Với kết quả này, công ty vượt 37% mục tiêu doanh thu và gấp 4,6 lần kế hoạch lợi nhuận năm.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



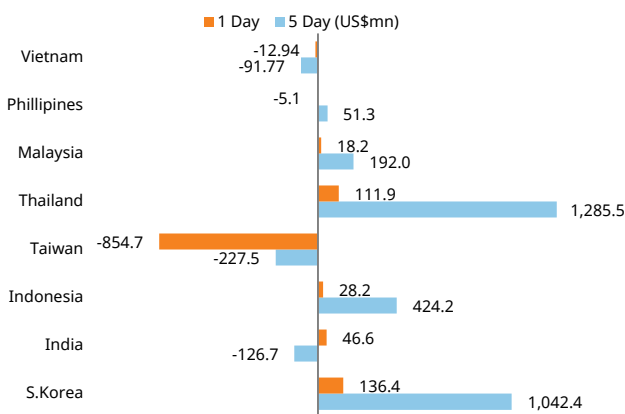
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



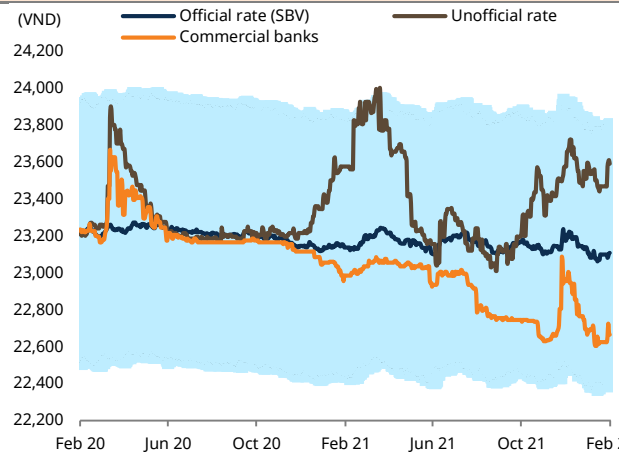
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



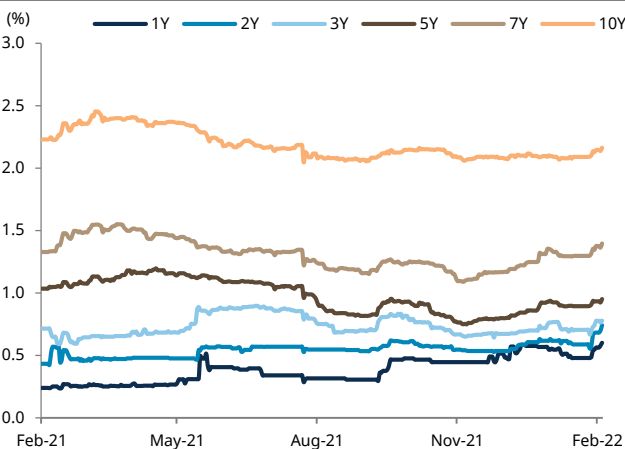
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



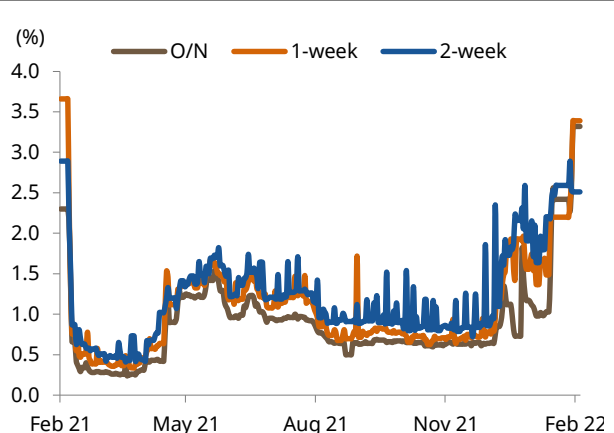
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,527.36	3,983,693		1.5	-1.5	0.2	35.2	14.7	12.5	2.6	2.2	35.0	17.7	23.0	20.3
Asia Commercial Bank	ACB VN	34,500	93,217	30.0	1.5	-3.5	4.4	51.1	9.7	8.9	2.1	1.6	26.5	8.9	23.9	24.1
BIDV	BID VN	46,200	233,704	16.8	3.2	-2.4	4.4	42.4	22.1	19.0	2.8	2.4	81.7	16.5	13.2	16.0
Bao Viet Holdings	BVH VN	54,800	40,679	26.4	1.1	-1.1	1.1	-8.5	21.6	18.5	1.9	1.8	20.9	16.7	9.1	10.1
VietinBank	CTG VN	34,950	167,961	26.0	1.0	-4.2	-1.4	27.4	11.9	9.2	1.8	1.5	2.9	29.9	15.9	18.9
FPT Corp	FPT VN	91,100	82,678	49.0	0.1	0.6	-0.2	40.4	21.0	16.0	4.6	3.8	21.4	31.1	23.4	25.6
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	117,400	224,698	2.9	1.2	3.0	11.3	44.4	27.0	19.1	4.4	4.1	8.1	41.5	17.4	22.3
Vietnam Rubber Group	GVR VN	33,350	133,400	0.5	0.2	1.1	-6.6	38.7	31.3	26.4	2.8	#N/A	12.8	18.6	8.9	9.9
HDBank	HDB VN	29,500	59,360	17.4	1.0	-6.1	-3.6	53.0	9.7	8.5	2.0	1.6	42.5	14.3	23.3	21.0
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	46,000	205,754	23.4	-0.4	1.0	-0.5	48.6	6.0	6.5	2.3	1.6	170.6	-8.1	46.1	29.5
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	53,500	34,397	32.7	1.5	6.2	0.0	84.5	29.9	22.7	3.4	3.2	-4.4	31.3	12.2	15.6
MBBank	MBB VN	32,700	123,551	23.2	2.2	-3.3	10.3	78.4	9.7	8.5	2.1	1.6	53.0	14.4	23.6	22.3
Masan Group Corp	MSN VN	160,500	189,476	28.7	5.9	10.3	10.8	80.9	22.1	30.8	5.8	6.4	589.7	-28.2	35.1	20.7
Mobile World Investment Corp	MWG VN	133,300	95,021	49.0	1.0	-2.2	-0.5	54.4	21.5	15.4	4.7	3.9	7.7	39.6	27.3	27.8
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	79,000	152,503	7.2	1.3	-0.3	-3.7	77.7	43.4	36.1	4.4	4.4	-18.5	20.1	10.6	13.9
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	90,000	44,349	2.8	0.6	1.1	-2.0	76.1	23.5	#N/A	6.3	#N/A	60.9	#N/A	30.7	#N/A
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	59,000	74,965	17.2	-2.0	0.3	7.3	11.3	26.0	18.8	3.0	3.0	230.7	38.0	12.3	16.3
Phu Nhuan Jewelry JSC	PNJ VN	105,500	23,987	47.6	0.9	0.5	12.4	26.2	23.2	17.3	4.0	3.6	5.5	34.3	18.3	22.8
PetroVietnam Power Corp	POW VN	18,100	42,388	2.6	2.3	1.1	2.3	46.6	23.8	20.4	1.4	1.3	-23.9	16.6	6.1	6.5
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	170,000	109,018	62.5	1.3	9.8	11.9	-5.7	30.5	26.5	5.1	4.3	-21.7	14.7	17.9	19.0
SSI Securities Corp	SSI VN	44,200	43,438	39.1	1.4	-3.2	-9.2	110.7	15.9	21.1	3.1	#N/A	114.9	-24.7	22.5	13.7
Sacombank	STB VN	33,500	63,155	18.5	2.0	-6.6	-4.3	84.6	18.0	15.2	1.8	1.7	48.8	18.9	10.8	11.9
Techcombank	TCB VN	51,800	181,865	22.5	0.6	-3.7	4.1	43.9	10.1	8.8	2.0	1.6	46.3	14.8	21.7	20.5
Tien Phong Bank	TPB VN	40,750	64,457	29.7	1.9	-3.0	-2.7	104.9	12.4	10.1	2.5	2.0	30.7	23.0	22.6	21.1
Vietcombank	VCB VN	87,000	411,729	23.6	1.2	-5.4	4.3	14.2	14.7	16.6	3.7	3.0	68.6	-11.3	21.4	20.6
Vinhomes JSC	VHM VN	80,000	348,349	23.8	2.4	-1.5	-2.7	7.4	8.8	9.7	2.7	2.2	41.6	-9.2	36.4	26.5
Vingroup JSC	VIC VN	83,700	319,226	13.3	2.3	-4.1	-15.4	-11.3	NA	60.5	2.8	3.3	-154.2	-269.8	-3.1	5.7
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	139,200	75,392	16.5	-0.6	5.9	14.1	7.9	468.7	40.7	#N/A	#N/A	126.7	1,051.9	1.0	10.1
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	81,200	169,704	54.5	0.1	-1.0	-4.1	-24.8	18.0	16.1	5.1	4.9	-5.3	11.9	29.3	32.8
VPBank	VPB VN	35,950	159,815	15.2	2.7	-3.6	3.2	68.1	13.5	10.7	2.0	1.7	12.4	26.0	18.0	16.2
Vincom Retail JSC	VRE VN	34,000	77,259	30.1	3.0	-4.2	-1.2	7.8	58.8	27.1	2.5	2.3	-44.8	117.1	4.4	9.1

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (Tỷ VND)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	20.79	5,806,005	1.4	-0.5	-0.2	33.9	17.4	14.1	2.7	2.3	34.0	23.3	19.9	19.4
Ô tô và phụ tùng	0.00	9,287	0.0	0.4	1.6	31.6	5.9	5.4	1.1	1.0	29.3	9.7	10.8	11.5
Ngân hàng	8.11	1,905,970	-5.0	-5.0	1.3	44.7	13.2	9.5	2.0	1.6	11.9	29.9	18.7	19.4
Xây dựng cơ bản	1.42	313,021	-0.4	0.0	-8.4	105.8	164.4	81.2	12.5	11.4	96.4	11.7	9.6	9.4
May mặc và trang sức	0.08	52,126	-0.2	1.0	5.1	50.5	12.8	9.8	2.2	1.7	33.6	26.0	16.8	17.1
Dịch vụ tiêu dùng	-0.01	9,452	1.1	0.5	6.3	14.7	0.6	23.1	0.2	#N/A	200.2	-126.8	-9.2	2.7
Dịch vụ tài chính	0.51	163,624	-3.9	-3.5	-7.4	150.4	5.6	5.2	#N/A	#N/A	-24.7	6.3	12.6	4.0
Năng lượng	-0.48	99,870	1.4	1.9	7.2	21.6	19.2	15.6	2.5	2.3	329.5	27.5	14.0	15.2
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	3.25	601,553	1.0	2.0	1.6	22.7	19.9	15.5	4.1	3.6	0.1	22.9	20.7	21.5
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.01	3,471	-1.8	-2.5	-14.2	77.2	5.8	#N/A	0.9	#N/A	37.7	#N/A	10.1	#N/A
Bảo hiểm	0.12	54,240	-1.6	-2.7	-0.5	8.1	15.1	11.9	1.4	1.3	18.1	27.4	8.4	9.9
Nguyên vật liệu	-0.03	522,633	-1.8	-0.6	-1.1	65.1	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A
Dược phẩm	0.15	32,274	-1.3	-1.4	-1.8	15.9	11.4	6.6	1.7	1.1	17.9	6.7	13.2	7.7
Bất động sản	7.06	1,280,842	-1.0	-3.3	-7.4	27.4	25.1	14.5	2.3	1.9	-38.5	44.0	14.2	13.9
Bán lẻ	0.27	111,238	-2.2	-3.0	0.3	67.9	14.8	12.4	3.7	3.2	34.2	16.4	25.4	25.7
Phần mềm và dịch vụ	0.01	89,798	-0.7	0.3	0.3	44.1	15.1	13.0	3.5	3.3	31.4	13.1	23.7	25.4
Thiết bị và phần cứng	0.13	10,246	0.3	0.3	-10.3	159.8	13.0	10.7	4.2	3.0	14.4	20.9	23.2	25.4
Vận tải	-0.09	212,810	2.3	1.6	9.8	34.1	61.3	24.2	0.5	0.4	59.4	455.2	-189.5	68.4
Tiện ích	0.56	382,891	2.2	3.2	6.1	35.5	14.2	12.3	2.6	2.4	38.7	15.6	14.5	15.6

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
MSN VN	160,500	5.9	1,575,800	2.7
VHM VN	80,000	2.4	3,777,500	2.1
BID VN	46,200	3.2	3,694,100	1.9
VIC VN	83,700	2.3	3,001,500	1.9
VCB VN	87,000	1.2	2,453,500	1.2
VPB VN	35,950	2.7	12,555,400	1.1
BCM VN	82,000	3.9	616,200	0.8
GAS VN	117,400	1.2	1,425,600	0.7
MBB VN	32,700	2.2	20,740,800	0.7
DIG VN	78,900	6.9	4,811,200	0.7

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
PGV VN	40,400	-4.0	47,500	-0.5
PLX VN	59,000	-2.0	2,402,200	-0.4
HPG VN	46,000	-0.4	15,564,400	-0.2
VJC VN	139,200	-0.6	908,700	-0.1
HVN VN	26,250	-0.6	4,059,500	-0.1
ITA VN	16,300	-1.5	8,146,600	-0.1
HSG VN	35,950	-1.0	9,568,800	0.0
PVD VN	30,600	-1.3	4,176,800	0.0
DTL VN	46,000	-5.2	2,700	0.0
CRE VN	36,250	-1.9	530,300	0.0

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.